

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VNIndex hồi phục dẫn dắt bởi nhóm ngân hàng và dầu khí

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Hợp đồng tháng 2 diễn biến tích cực

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

NVL, TNG

[KBSV Danh Mục Đầu Tư]

Thêm: VJC, Bót: PC1

[Quan điểm đầu tư]

Tránh mua đuổi, chờ nhịp điều chỉnh để mở trạng thái

06/02/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	938.54	+1.36
VN30	862.86	+2.08
HĐTL VN30	860.50	+2.22
HNXIndex	105.84	+2.57
HNX30	185.04	+2.60
UPCoM	55.61	+0.72
USD/VNĐ	VND23,219	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.03	-3
Lãi suất qua đêm (%)	2.50	+17
Dầu (WTI, \$)	50.75	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,562.00	+0.38



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 938.54 (+1.36%)
KLGD (triệu CP) 206.1 (+25.9%)
GTGD (triệu US\$) 182.7 (-1.8%)

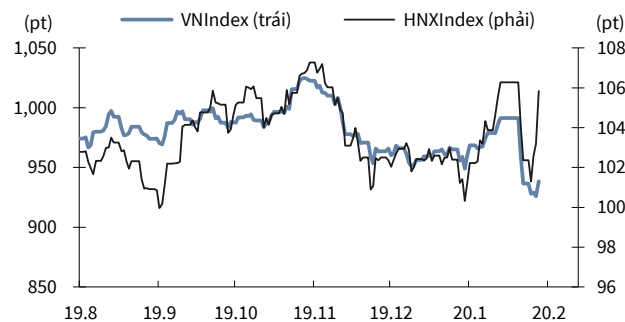
HNXIndex 105.84 (+2.57%)
KLGD (triệu CP) 33.6 (-3.6%)
GTGD (triệu US\$) 14.5 (-4.8%)

UPCoM 55.61 (+0.72%)
KLGD (triệu CP) 11.8 (+6.1%)
GTGD (triệu US\$) 6.5 (+28.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -9.2

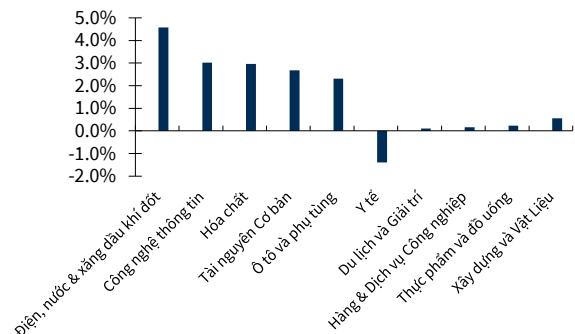
TTCK Việt Nam hồi phục cùng với TTCK thế giới, dẫn dắt bởi nhóm ngân hàng và dầu khí, khi tâm lý NĐT được cải thiện sau những động thái dừng áp thuế hàng hóa Mỹ đến từ Trung Quốc. Cổ phiếu dầu khí đã chấm dứt chuỗi giảm điểm với phiên phục hồi mạnh GAS (5.27%) nhờ giá dầu thế giới đã tăng phiên thứ 2 liên tiếp. Cổ phiếu ngân hàng diễn biến rất tích cực với đà bứt phá của 2 cổ phiếu CTG (4.52%), MBB (3.07%) nhờ những tín hiệu tăng vốn khả quan, cùng với VPB (5.59%) nhờ kì vọng cao vào mục tiêu lợi nhuận trong năm 2020. Nỗi lo bệnh dịch nCoV tạm lắng xuống giúp cho các cổ phiếu hàng không VJC (0.39%), HVN (-0.38%) cùng với cổ phiếu tiêu dùng nội địa VNM (0.84%) có phiên giao dịch tích cực hơn. Ngoại trừ SAB (-2.06%) giảm xuống mức đáy 2018 do tác động tiêu cực kép từ nghị định 90 và nCoV lên mức cầu tiêu thụ sản phẩm rượu bia. Khối ngoại tiếp tục bán ròng, tập trung ở cổ phiếu MSN (-0.2%), NVL (-1.85%) và VIC (-0.09%).

VN Index & HNX Index



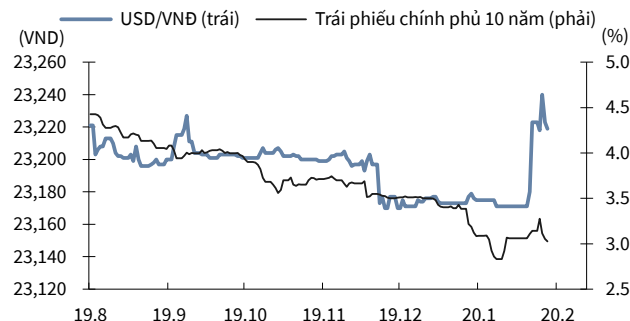
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

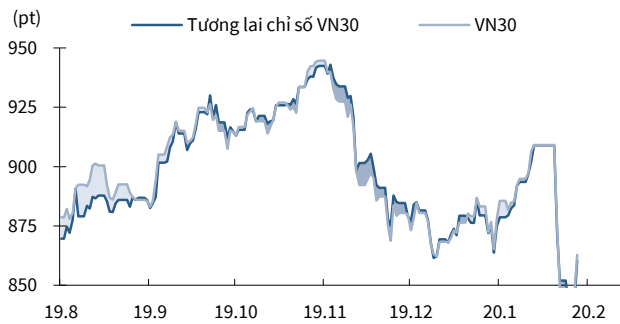
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 **862.86 (+2.08%)**
VN30 tương lai **860.5 (+2.22%)**
Mở cửa **846.0**
Cao nhất **861.4**
Thấp nhất **844.0**

Hợp đồng **140,904 (+0.4%)**
KL HĐ mở OI **N/A**

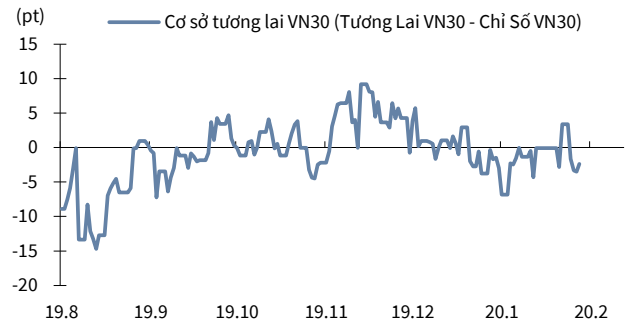
Hợp đồng tháng 2 diễn biến tích cực trong phiên hôm nay, vượt qua vùng 850 dù khối lượng giao dịch không có sự đột biến. Độ lệch đã được thu hẹp, ở mức -2.36. Sau hai phiên mua ròng, NĐTNN quay sang bán ròng nhẹ phiên hôm nay.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



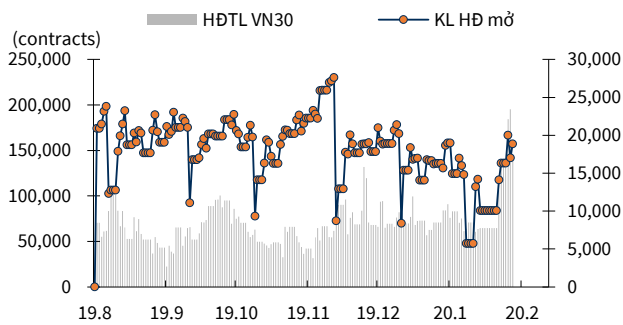
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



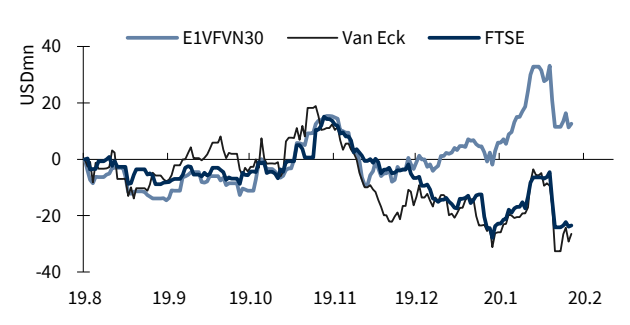
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

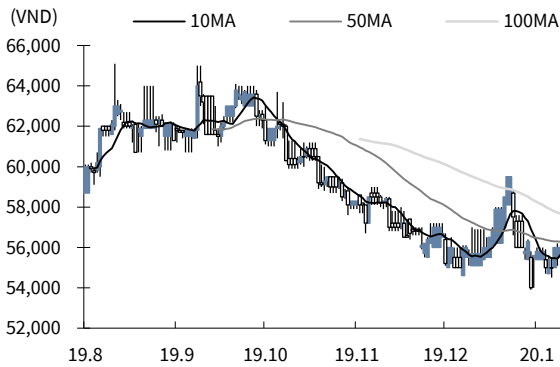
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

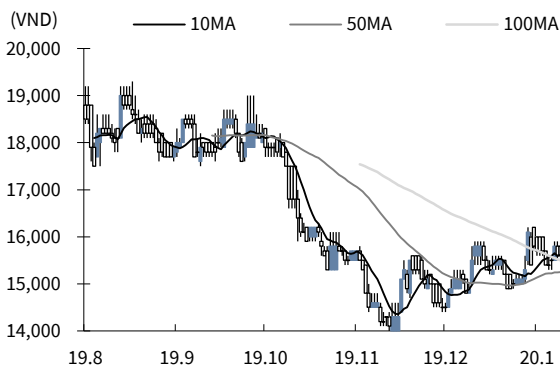
Novaland (NVL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL đóng cửa giảm 1.85%, xuống 53,000 VNĐ/cp.
- NVL vừa có Đơn gửi Bộ trưởng Bộ Xây dựng xin tiếp tục được thực hiện dự án khu dân cư tại khu đất 30,224 ha phường Bình Khánh, quận 2, TP.HCM để tránh bị mất thanh khoản. Đây là dự án NVL đã đầu tư tổng cộng hơn 6.000 tỷ đồng.
- Trước đó, trong quá trình rà soát chung của Thủ Thiêm, Q.2; Dự án này cũng như các dự án bất động sản khác bị rà soát kéo dài dẫn đến việc chậm triển khai và phát sinh nhiều hệ quả, đặc biệt là phát sinh chi phí vốn cho đầu tư, xây dựng...

Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNG đóng cửa tăng 6.21%, lên 15,400 VNĐ/cp.
- TNG cho biết doanh nghiệp mới đây đã được Bộ Y Tế cấp chứng nhận chất lượng và cho phép lưu hành khẩu trang Nano ngăn ngừa vừa khuẩn. Hiện tại, với việc nhu cầu sử dụng khẩu trang y tế tăng cao dẫn đến khả năng khan hiếm mặt hàng này, TNG đang tiến hành sản xuất khẩu trang với sản lượng khoảng 50,000-60,000 chiếc/ngày, đáp ứng nhu cầu phòng chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona gây ra. Trong trường hợp nhu cầu thị trường tăng cao, năng lực sản xuất của doanh nghiệp có thể đạt 200,000 chiếc/ngày.

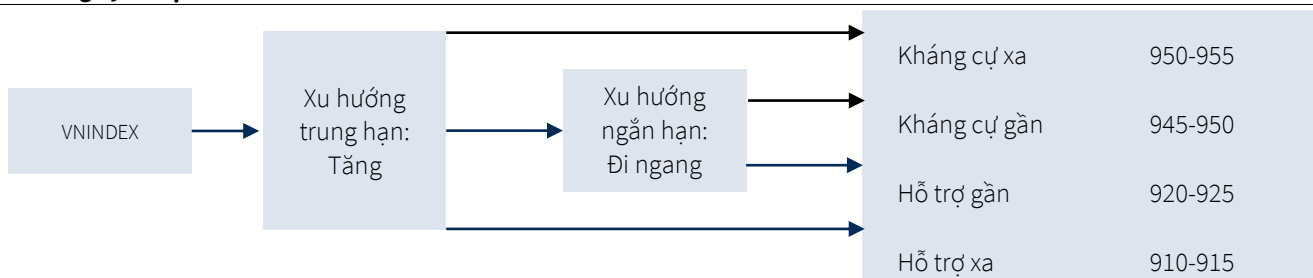
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Diễn biến tăng điểm mạnh về cuối phiên giúp hình thành mẫu hình nến khá tích cực, mở ra cơ hội vượt qua cận trên của vùng kháng cự tại 940 và tiếp tục hướng lên vùng kháng cự kế tiếp tại quanh 950 (+-5).
- Tuy nhiên sau đợt sụt giảm mạnh với độ dốc lớn của nhịp trước, chúng tôi cho rằng chỉ số nhiều khả năng vẫn sẽ trải qua thêm 1 nhịp điều chỉnh gối đầu với độ dốc thoải hơn trước khi có thể xác lập vùng đáy mang tính bền vững.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chờ nhịp điều chỉnh để mở trạng thái. Tuy nhiên, chúng tôi nâng điểm mua lên vùng 920-925.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



- Chỉ số VN30 diễn biến tích cực hơn VNIndex khi đã chớm vượt qua vùng kháng cự ngắn hạn 845-855.
- Tuy nhiên, chúng tôi vẫn lưu ý về rủi ro đảo chiều giảm điểm của VN30 khi chỉ số tiến lên vùng kháng cự kế tiếp tại quanh 870 (+5).
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục mở một phần vị thế SHORT ở vùng kháng cự đã đề cập.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

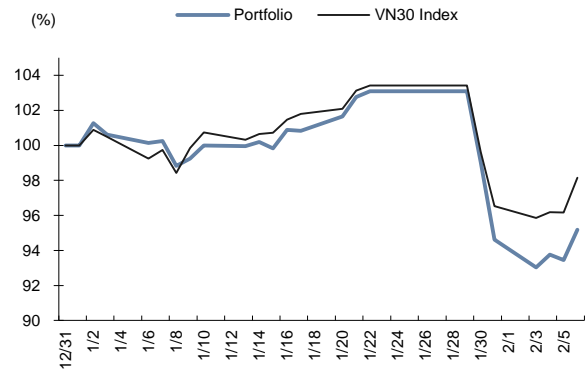
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	2.08%	1.86%
Tăng lũy kế (YTD)	-1.84%	-4.82%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/02/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	109,500	14%	-6.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,300	19%	-3.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,900	15%	7.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,800	3.1%	7.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	34,000	2.1%	-2.1%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	53,600	3.1%	35.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	27,750	4.5%	8.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	127,500	0.4%	0.0%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	25,200	3.1%	4.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	16,900	5.0%	-8.9%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
E1FVN30	2.5%	99.0%	30.9
HDB	5.3%	23.3%	23.7
VRE	6.9%	32.9%	23.1
VHM	0.9%	15.0%	17.5
VJC	0.4%	19.5%	16.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-0.2%	39.1%	-66.9
NVL	-1.9%	6.9%	-63.6
VIC	-0.1%	14.8%	-43.5
VNM	0.8%	58.8%	-26.0
BID	-0.6%	18.1%	-21.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	6.2%	16.6%	0.6
AMV	1.6%	2.1%	0.6
TIG	3.5%	16.9%	0.4
VMC	0.0%	2.5%	0.1
VCS	4.2%	2.2%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	5.0%	21.5%	-18.3
SHB	2.7%	10.7%	-4.7
CEO	-1.2%	15.9%	-2.5
NDN	5.1%	1.4%	-1.9
NTP	1.8%	20.3%	-1.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	2.8%	PNC, YEG
Ô tô và phụ tùng	2.4%	CTG, VPB
Truyền thông	2.1%	TCH, HHS
Y tế	-0.7%	DHG, JVC
Bất động sản	-1.0%	SCR, NBB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-10.2%	VJC, HVN
Thực phẩm và đồ uống	-8.0%	SAB, VNM
Bảo hiểm	-7.0%	BVH, BIC
Dầu khí	-6.2%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5.7%	GAS, POW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	13.2%	TCH, HHS
Ngân hàng	5.9%	CTG, BID
Tài nguyên Cơ bản	3.0%	HPG, DHC
Y tế	1.9%	YEG, AAA
Truyền thông	1.6%	DHG, IMP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-14.1%	VJC, HVN
Thực phẩm và đồ uống	-11.6%	SAB, VNM
Bảo hiểm	-9.0%	BVH, BMI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-8.5%	GAS, POW
Dầu khí	-7.9%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,400	386,950 (16,664)	49,003 (2.1)	22.0	40.9	25.9	48.4	8.2	18.9	4.4	3.9	-0.1	-0.4	-0.1	-0.5
	VHM	VINHOMES JSC	86,800	285,530 (12,296)	67,478 (2.9)	34.0	10.5	8.5	38.0	36.7	32.3	3.4	2.4	0.9	-0.7	4.1	2.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	30,950	70,328 (3,029)	40,569 (1.7)	16.1	20.5	16.4	17.1	10.9	11.8	2.3	2.1	6.9	0.0	-8.0	-9.0
	NVL	NOVA LAND INVES	53,000	51,386 (2,213)	23,972 (1.0)	31.7	17.0	15.7	-6.1	12.4	12.1	1.9	-	-1.9	-3.8	-5.0	-10.9
	KDH	KHANGDIENHOUSE	24,900	13,556 (584)	4,887 (0.2)	4.4	11.1	10.0	20.7	15.1	14.8	1.6	1.5	0.6	-2.4	-6.0	-7.4
	DXG	DAT XANH GROUP	11,650	6,080 (260)	25,427 (1.1)	3.8	4.1	2.9	3.3	18.0	22.7	0.7	-	6.9	-6.0	-15.0	-19.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	89,400	331,574 (14,279)	111,236 (4.8)	6.2	16.0	13.8	23.7	23.8	22.4	3.1	2.6	0.6	0.6	2.2	-0.9
	BID	BANK FOR INVESTM	53,200	213,971 (9,215)	52,629 (2.3)	11.9	24.3	20.0	15.9	13.7	14.5	2.6	2.5	-0.6	0.9	16.2	15.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,350	78,228 (3,369)	66,922 (2.9)	0.0	7.1	6.1	8.1	17.0	16.4	1.1	0.9	2.8	-2.4	-3.0	-5.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	27,750	103,324 (4,450)	216,243 (9.3)	0.2	11.2	9.0	30.5	13.4	13.4	1.2	1.0	4.5	14.0	30.0	32.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	25,500	62,163 (2,677)	80,779 (3.5)	0.0	6.5	5.7	13.6	20.8	19.6	1.2	1.0	5.6	12.3	27.8	27.5
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,800	50,700 (2,183)	139,435 (6.0)	0.0	6.1	5.1	15.5	21.0	20.4	1.1	0.9	3.1	2.6	4.1	4.8
	HDB	HDBANK	29,900	28,783 (1,240)	47,249 (2.0)	6.7	7.9	6.9	12.8	19.5	19.6	1.4	1.2	5.3	7.0	10.7	8.5
	STB	SACOMBANK	10,950	19,750 (851)	67,460 (2.9)	11.5	6.8	5.3	56.6	10.3	13.2	0.7	0.6	6.8	5.8	9.0	9.0
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,400	17,689 (762)	2,392 (0.1)	0.0	5.5	4.8	33.5	22.4	21.3	1.1	-	1.4	0.0	1.2	1.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,700	21,761 (937)	2,699 (0.1)	0.0	23.4	24.1	18.6	5.8	5.3	1.3	1.2	2.9	-1.4	1.1	-0.6
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	58,400	43,352 (1,867)	10,703 (0.5)	19.5	31.1	12.7	8.0	8.8	16.6	2.3	2.0	2.8	-7.4	-13.6	-14.9
	BMI	BAOMINHINSURANC	23,900	2,183 (094)	970 (0.0)	11.4	-	-	-	-	-	-	-	-2.8	-4.0	-6.3	-3.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,700	9,170 (395)	36,288 (1.6)	44.8	4.0	7.6	33.9	10.5	11.4	0.7	0.8	4.4	-4.3	-2.7	-1.9
	VCI	VIETCAPITAL SEC	26,800	4,405 (190)	990 (0.0)	64.0	7.4	6.2	-14.5	14.1	14.8	1.0	0.9	0.6	-0.7	-6.3	-9.2
	HCM	HOCHIMINH CITY	18,900	5,774 (249)	24,460 (1.1)	44.1	11.1	6.5	-16.4	12.5	17.7	1.2	1.1	3.3	-8.5	-9.4	-11.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,100	2,941 (127)	3,203 (0.1)	8.6	8.1	6.2	-4.2	12.5	15.1	0.9	0.8	0.0	-5.7	-1.4	-2.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	107,500	187,198 (8,062)	114,342 (4.9)	41.2	18.0	17.2	7.1	39.0	38.6	6.1	5.5	0.8	-7.8	-8.4	-7.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	190,000	121,843 (5,247)	9,088 (0.4)	36.6	21.4	16.4	19.7	32.0	36.8	6.0	5.3	-2.1	-12.8	-15.1	-16.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	49,900	58,330 (2,512)	37,732 (1.6)	9.9	13.6	10.6	-14.7	11.7	13.1	1.5	1.3	-0.2	-0.4	-11.8	-11.7
	HNG	HOANGANH GIA LA	13,550	15,021 (647)	4,048 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	6.7	-2.5	-4.6	-2.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	127,500	66,789 (2,876)	64,934 (2.8)	10.6	11.0	8.8	10.1	37.8	40.5	3.4	2.6	0.4	-8.9	-12.7	-12.8
	GMD	GEMADEPT CORP	19,500	5,790 (249)	9,768 (0.4)	0.0	10.3	10.1	-44.5	9.2	9.1	0.9	0.9	3.2	-4.9	-12.4	-16.3
	CII	HOCHIMINH CITY	23,950	5,936 (256)	12,493 (0.5)	19.0	7.1	9.7	202.7	17.5	12.8	0.9	-	-0.8	-4.2	4.1	6.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	7,050	4,002 (172)	56,929 (2.5)	45.0	-	-	-	-	-	-	-	-6.3	-29.5	-50.0	-59.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,050	9,301 (401)	11,069 (0.5)	33.5	9.6	7.4	-2.5	13.3	15.8	1.3	1.3	-0.3	-3.3	-7.1	-1.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	53,100	4,051 (174)	7,841 (0.3)	1.9	6.3	7.9	-30.7	7.8	6.1	0.5	-	4.9	0.4	1.0	3.5
	REE	REE	34,000	10,542 (454)	29,464 (1.3)	0.0	6.0	5.3	-0.6	15.7	15.0	0.9	-	2.1	-5.0	-6.7	-6.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu)	Room còn lại (% -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	85,900	164,408 (7,080)	27,704 (1.2)	45.3	13.7	12.9	2.5	25.2	25.5	3.1	3.0	5.3	-6.6	-12.2	-8.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,100	5,786 (249)	4,486 (0.2)	30.3	7.8	7.3	-0.9	18.8	19.7	-	-	4.4	1.5	-6.1	-7.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,800	8,592 (370)	4,756 (0.2)	32.7	9.4	9.0	-9.1	16.3	16.6	1.5	-	4.3	1.3	4.3	-0.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOAPHATGRP.JSC	25,200	69,579 (2,996)	192,401 (8.3)	10.3	8.0	7.0	1.6	17.8	17.8	1.3	1.1	3.1	-0.4	5.0	7.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	11,700	4,579 (197)	4,251 (0.2)	30.2	10.3	7.9	-16.2	6.2	7.7	0.6	0.6	2.6	-6.0	-7.9	-9.7
	DCM	PETROCA MAU FER	5,700	3,018 (130)	1,238 (0.1)	46.7	9.2	9.3	-	5.3	5.1	0.5	0.5	0.2	-4.2	-9.5	-12.3
	HSG	HOA SENG GROUP	8,260	3,496 (151)	44,794 (1.9)	30.3	9.1	6.8	-5.5	7.2	8.3	0.6	0.5	2.9	-4.6	3.0	5.8
	AAA	ANPHATBIOPLAST	11,950	2,046 (088)	22,833 (1.0)	37.1	5.4	-	49.2	16.3	-	0.7	-	6.7	-1.2	-2.8	-5.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	52,000	61,922 (2,667)	17,134 (0.7)	6.6	15.0	13.6	11.9	19.3	19.4	2.9	3.0	1.0	-6.1	-9.2	-7.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,350	5,622 (242)	45,940 (2.0)	30.3	25.3	9.5	21.2	1.8	4.6	0.4	0.4	6.8	-6.3	-15.8	-11.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,600	3,828 (165)	7,158 (0.3)	16.8	5.4	5.6	6.9	13.8	14.9	0.7	-	3.0	-4.9	-18.1	-19.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	109,500	49,626 (2,137)	86,530 (3.7)	0.0	10.4	8.8	25.7	34.4	32.5	3.1	2.4	1.4	-3.9	-4.5	-3.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,900	18,893 (814)	79,687 (3.4)	0.0	14.2	12.6	20.3	27.8	27.3	3.3	3.0	1.5	-4.3	-2.2	-2.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	37,800	1,115 (048)	1,025 (0.0)	68.2	22.8	-	-40.0	4.9	-	1.1	-	0.8	2.2	-0.3	2.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,650	1,473 (063)	4,573 (0.2)	2.7	4.7	4.7	-3.9	21.1	18.8	0.9	0.8	6.6	8.7	-15.2	-11.4
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	36,000	4,878 (210)	14,713 (0.6)	43.1	4.5	16.3	31.3	35.3	-	1.4	-	7.0	-7.7	-7.9	-5.8
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	95,900	12,539 (540)	4,552 (0.2)	45.7	19.5	18.3	4.8	19.7	20.0	3.5	3.3	-0.6	3.1	5.2	4.8
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	53,000	3,976 (171)	812 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	-2.8	0.0	-2.4
	FPT	FPT CORP	53,600	36,356 (1,566)	105,336 (4.5)	0.0	9.7	8.9	26.6	25.1	26.1	2.2	1.9	3.1	-2.0	-6.0	-8.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.